

Light

REMY OB

Guố i **dây đeo có** th ể điều chỉnh

Guố d **REMY** **ESD**, t ấm **lót chân có** th i **v** **thay** ch **hoàn** hảo **cho** **viên** v ệ sinh.

Những vật liệu **cao** cấp hơn	**hành** động **da**
lót bên trong	i **tái** chế lướ
trong Đ	ệm **chân** S **làm** từ **mút tái** chế (96% vật liệu **tái** chế)
ngoài Đ	**Philon/cao su**
i Loạ	**OB / SR, HRO, A, E, ESD**
Phạm **vi kích** thước	**EU 36-48 / UK 3.5-13.0 / US 4.0-13.5** **JPN 22.5-31.5 / KOR 235-315**
ng lượng **thép**	**0.280 kg**
ẩn **hóa** **u** chu	**ASTM F2892:2018** **EN ISO 20347:2022(Europe)**

CE · ESD

CO2 5.29 kg



NAV



WHT



X
ESD cung cấp khả **năng** xả **năng** lượng **tĩnh** điện **có** kiểm **soát** có thể **làm** hỏng **các** bộ phận điện tử và **ngăn** ch bắt lửa **do** tích điện.
00 KiloOhm và 100 MegaOhm.



Lớp **lót Coolmax**
Công nghệ Coolmax
vận động **viên**. Chất liệu vận chuyển độ ẩm **và** **chân** khô ráo. **Chúng** tôi thấy **nó** cực **kỳ** phù hợp
i làm việc **chăm** **hàng** ngày.



có thể **tháo** rờ
Thay miếng **lót** giày thường **lót** giày chỉnh hình **riêng**

Công nghiệp **n:**
ạch , Làm s c v ề **y** h ọ c

ường: **Môi** t
ru ờn **môi** khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp **cách** hàng nhiệ **Không** trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
Những vật l iệu **hành** độ n g **da** **cao** cấp h ơn				
	Top: khả năng thấm hơi	? 0.8	1.2	mg/cm/g
	Top: hi nuệ số h ơ	? 15	15.2	mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế			
	L ớp lót: thấm hơi	? 2	28.9	mg/cm/g
	lót: hi nuệ số h ơ	? 20	231.3	mg/cm2
rong Đ ệ m **chân** **SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)				
	ệ m chân: Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800	chu kỳ
goài Đ	**Phlon/cao su**			
	Ch ố n trượt bề mặt (mài mòn)	? 150	89	mm
	Chư ố ợt c ợt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **gót** v ề phía t	? 0.31	0.44	ma sát
	rư Cột cố ợt bằng G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.37	ma sát
	rư Cột SR ợt G ố m + Glycerin - Trư ợt **gót** phía t	? 0.19	0.36	ma sát
	Chư ố ợt SR G ố m + Glycerin - Trư ợt v ề phía t	? 0.22	0.28	ma sát
	rị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	21.8	megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	26	megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **gót** chân củ	? 20	31	J

kích thước thép: 41

a chúng tôi Safety Jogger có l ế thay và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả			
	V ật l iệu	3.04	kg
	Bao bì	0.10	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
			5.29 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t u ả	K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế			
	Product	5%	
	Bao bì	100%	

Tính toán CO2:
rị đ Các giá tr ò n đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán